TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST
Ngày 29-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và ông Lê Huỳnh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2023/TLST-DS ngày 04-8-2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-DS ngày 06-9-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-DS ngày 25-9-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Địa chỉ: Số 89 đường Láng H, phường Láng H, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh V – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1980 (có mặt).

Và bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1983 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 298/20 đường Ngô Gia T, khu phố 1, phường Tấn T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Xuân T, bà Huỳnh Thị Đ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh – Phòng giao dịch Văn T (gọi tắt Ngân hàng) có lập các Hợp đồng tín dụng gồm:

1. Hợp đồng cho vay số LN1801240480037/VTH/HĐTD ngày 30-01-2018 số tiền vay: 367.000.000đồng; thời hạn vay: 83 tháng từ ngày 02-02-2018 đến 02-01-2025; mục đích vay: thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet Aveo LT, mới 100%. Giải ngân chuyển khoản cho công ty bên bán xe, thể hiện tại điểm b, khoản 4 Điều 1 tại Hợp đồng cho vay ngày 30-01-2018, Lãi suất: 8,4%/năm.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ quyền sở hữu và sử dụng: 01 xe ô tô hiệu Chevrolet, loại AVEO, số khung 69YDHH945980, số máy 4D3171310354, biển số 85A- 030.14 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002477 do Phòng CSGT Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 29-01-2018 đứng tên ông Nguyễn Xuân T theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1801240480037/VTH/HĐTCSP ngày 30-01-2018.

2. Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh VPBank Online) số LD2032201640 ngày 17-11-2020: số tiền vay 74.000.000đồng, mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống, giải ngân trực tiếp cho khách hàng tại Ngân hàng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 17-11-2020 đến 02-11-2023, lãi suất 20%/năm.

3. Hợp đồng cho vay online số LD1933100207 ngày 27-11-2019: số tiền vay 50.000.000đồng, mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống, giải ngân trực tiếp cho khách hàng tại Ngân hàng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 27-11-2020 đến 03-11-2022, lãi suất 19%/năm. Hợp đồng này đã tất toán khoản vay xong.

4. Ngày 27-11-2019, ông Nguyễn Xuân T có lập đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN1911271911941, loại thẻ StepUp Credit Card, hạn mức cấp tín dụng: 23.000.000 đồng, lãi suất 2,99%/tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã gửi thông báo yêu cầu ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ trả nợ nhưng đến nay không có kết quả, có biểu hiện trốn tránh kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Sau khi gởi thông báo hàng tháng ông T vẫn thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng số tiền không đủ để thanh toán khoản nợ quá hạn. Trong thời gian đó hệ thông ngân hàng đã thu đủ số nợ của hợp đồng cho vay online số LD1933100207 ngày 27-11-2019 nên Ngân hàng chỉ khởi kiện đối với 3 khoản vay còn lại.

Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ để yêu cầu thanh toán gốc và lãi vay quá hạn cho Ngân hàng nhưng ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Diệp vẫn không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn, cụ thể trung bình mỗi tháng ông T, bà Đ phải thanh toán cho Ngân hàng tiền 12.000.000đồng trong đó tiền gốc là 4.422.000đồng (của hợp đồng mua xe), 2.200.000đồng của 2 khoản vay online và tiền lãi khoảng 5.000.000đồng của các hợp đồng. Từ tháng 10, 11, 12 năm 2021 ông T không thanh toán gốc + lãi cho Ngân hàng, đến tháng 01/2022 ông T chỉ thanh toán mỗi tháng cho Ngân hàng số tiền từ 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng. Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với các Hợp đồng tín dụng trên theo Thông báo số 8234/2021/VPBANK ngày 08-11-2021 thu hồi nợ trước hạn. Nay Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu:

1. Ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền tính đến ngày 29-9-2023 là 247.539.856đồng. Trong đó, nợ gốc: 157.008.951đồng, nợ lãi: 90.530.905đồng, cụ thể:

Hợp đồng cho vay số LN1801240480037/NTH/HĐTĐ ngày 30-01-2018: Tổng dư nợ là 176.068.086đồng. Trong đó, nợ gốc: 128.212.000đồng, nợ lãi trong hạn: 2.607.361đồng, nợ lãi quá hạn: 45.248.726đồng.

Hợp đồng cho vay online số LD2032201640 ngày 17-11-2020: Tổng dư nợ: 42.583.659đồng. Trong đó, nợ gốc: 14.723.777đồng, nợ lãi trong hạn: 1632.183đồng, nợ lãi quá hạn: 26.227.700đồng.

Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 27-11-2019. Tổng dư nợ: 28.888.110đồng. Trong đó, nợ gốc: 14.073.174đồng, nợ lãi quá hạn: 14.814.936đồng.

Ngoài ra, ông T bà Đ phải thanh toán số tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã kỷ kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Trường hợp ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nếu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thể chấp là Xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại AVEO, số khung RLLSF69YDHH945980, số máy F14D3171310354, mang biển số. 85A-03014 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002477 do Phòng CSGT công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 29-01-2018 dùng tên ông Nguyễn Xuân T.

3. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm nếu trên mà ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ vẫn chưa trả hết nợ thì ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ không trình bày và cung cấp tài liệu chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, bị đơn trình bày:

Ông T và bà Đ xác nhận có tới Ngân hàng ký kết để vay tiền để mua xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET là 367.000.000đồng. Khi vay vốn, ông T, bà Đ có ký vào hợp đồng và ký nháy từng trang nhưng không đọc nội dung hợp đồng.

Ông T có vay thêm khoản vay online là 74.000.000đồng và khoản vay thẻ 50.000.000đồng (2 khoản vay này là vay riêng để ông T chi tiêu cá nhân, bà Đ không biết, không sử dụng tiền này và không ký vay). Số tiền trả gốc+ lãi mỗi tháng, lãi suất vay của các hợp đồng là bao nhiêu ông T không nhớ và ông cũng không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện, ông T và bà Đ không đồng ý trả số tiền nợ cho Ngân hàng vì: số tiền ông T đã trả cho Ngân hàng nhiều hơn số tiền Ngân hàng trình bày tại phiên toà; có sự cấu kết giữa Ngân hàng và Công ty ô tô Việt L khi không giao tiền vay cho ông T mà lại chuyển vào tài khoản công ty ô tô Việt L (số tài khoản chuyển tiền 143450538 không phải là tài khoản của ông); ông T vay 74 triệu đồng và 50 triệu đồng nhưng Ngân hàng chỉ chuyển 70 triệu và 47 triệu vào tài khoản của ông T; yêu cầu Ngân hàng phải mời ông Bùi Thiện T – giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần V – Phòng giao dịch Văn T và nhân viên ngân hàng bà Huỳnh Thị Mỹ X tại buổi xét xử để giải thích rõ vì ông vẫn trả nợ đều cho Ngân hàng nhưng số tiền nợ vẫn còn, nếu ông T và bà X chuyển công tác, Ngân hàng phải có văn bản thông báo cho ông T, bà Đ đã chuyển công tác, lý do chuyển công tác, có sự gian dối trong việc cho vay khi chuyển không đủ số tiền vay. Ông T chỉ không trả 3 kỳ 10, 11 và 12/2021 vì dịch Covid 19 phải giãn cách xã hội và do Ngân hàng không chịu cấp giấy xác nhận thông hành để ông có giấy tờ đi lại làm việc một thời gian dài gây thất thoát về kinh tế cho ông. Hiện nay ông T, bà Đ đang quản lý và sử dụng xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 85A- 030.14.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự, còn bị đơn có mặt nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ phải trả số tiền nợ đã vay của các Hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại khu phố 1, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên toà, Nguyên đơn thay đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông T và bà Đ trả khoản vay chung mua xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 85A- 030.14; còn 02 khoản vay online và vay thẻ nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T phải trả, không yêu cầu bà Đ phải cùng trả với ông T. Đây là quyền quyết định, tự định đoạt của nguyên đơn và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1.1] Đối với Hợp đồng cho vay số LN1801240480037/VTH/HĐTD ngày 30-01-2018 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1801240480037/VTH/HĐTCSP ngày 30-01-2018:

Đối chiếu Hợp đồng cho vay số LN1801240480037/VTH/HĐTD ngày 30-01-2018, số tiền vay: 367.000.000đồng; thời hạn vay: 83 tháng từ ngày 02-02-2018 đến 02-01-2025; mục đích vay: thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet Aveo LT, mới 100%, Lãi suất: 8,4%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Giấy đề nghị giải ngân ngày 02-02-2018 có phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của người thụ hưởng là Công ty TNHH ô tô Việt Long); uỷ nhiệm chi chuyển tiền cho bên bán xe là Công ty TNHH ô tô Việt Long ngày 02-02-2018, số tiền chuyển 367.000.000đồng; Khế ước nhận nợ lần 01/số LN1801240480037/VTH/HĐTD ngày 02-02-2018 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1801240480037/VTH/HĐTCSP ngày 30-01-2018 đều có chữ ký của ông T, bà Đ. Và tài sản trên cũng được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại TP. Hồ Chí Minh ngày 31-01-2018.

Tại phiên toà, ông T, bà Đ thừa nhận có ký tên, ghi họ tên, ký từng trang của Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp và đang quản lý sử dụng xe ô tô Chevrolet, biển số 85A- 030.14, xác nhận chữ ký trong Hợp đồng đúng là chữ

ký của ông T, bà Đ.

Và đối chiếu sao kê tài khoản Ngân hàng của ông Nguyễn Xuân T có việc ông T vẫn thanh toán tiền nợ (gốc, lãi) cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 29-9-2023, ông T, bà Đ đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 238.788.000đồng, tiền lãi là 133.584.540đồng.

Vì vậy, có đủ cơ sở xác định ông T, bà Đ có ký kết Hợp đồng vay số tiền 367.000.000đồng và tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ quyền sở hữu và sử dụng: 01 xe ô tô hiệu Chevrolet, loại AVEO, số khung 69YDHH945980, số máy 4D3171310354, biển số 85A- 030.14 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002477 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 29-01-2018 đứng tên ông Nguyễn Xuân T. Việc Ngân hàng chuyển tiền vay vào tài khoản của bên thụ hưởng (Công ty TNHH ô tô Việt Long) là theo yêu cầu của người vay vốn là ông T, bà Đ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng cho vay.

Tại phiên toà, ông T, bà Đ cũng thừa nhận không thanh toán nợ vay (gốc+lãi) cho Ngân hàng vào tháng 10,11,12/2021.

Tính đến ngày 29-9-2023, ông T, bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền: 176.068.086đồng. Trong đó, nợ gốc: 128.212.000đồng, nợ lãi trong hạn: 2.607.361đồng, nợ lãi quá hạn: 45.248.726đồng.

Do ông T, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 22-11-2021, Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng cho vay và là sự thoả thuận khi giao kết hợp đồng giữa ông T, bà Đ và Ngân hàng quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.1.2] Đối với Hợp đồng cho vay số LD2032201640 ngày 17-11-2020:

Đây là Hợp đồng cho vay áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh VPBank Online số LD2032201640 ngày 17-11-2020: số tiền vay 74.000.000đồng, mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống, giải ngân trực tiếp cho khách hàng tại VPBank, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 17-11-2020 đến 02-11-2023, lãi suất 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 29-9-2023, ông T đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 59.276.223đồng, tiền lãi là: 11.130.073đồng.

Đối chiếu Hợp đồng cho vay được ký bằng chữ ký điện tử, số điện thoại đăng nhập thực hiện việc giao dịch ký kết hợp đồng là số 0949044665, tại phiên toà ông T thừa nhận hiện vẫn đang sử dụng số điện thoại này và có ký vay qua điện thoại; đối chiếu sao kê tài khoản Ngân hàng của ông Nguyễn Xuân T có việc ông T được Ngân hàng chuyển số tiền vay là 74.000.000đồng và ông T vẫn thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy, có đủ cơ sở xác định ông T có ký kết Hợp đồng vay số LD2032201640 ngày 17-11-2020. Tính đến ngày 29-9-2023, ông T còn nợ

Ngân hàng số tiền: 42.583.659đồng. Trong đó, nợ gốc: 14.723.777đồng, nợ lãi trong hạn: 1.632.182đồng, nợ lãi quá hạn: 26.227.700đồng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng cho vay và là sự thoả thuận khi giao kết hợp đồng giữa ông T, bà Đ và Ngân hàng quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.1.3] Đối với thẻ tín dụng số LN1911271911941, loại thẻ StepUp Credit Card:

Ngày 27-11-2019, ông Nguyễn Xuân T có lập đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN1911271911941, loại thẻ StepUp Credit Card, hạn mức cấp tín dụng: 23.000.000 đồng, lãi suất 2,99%/tháng.

Đối chiếu Hợp đồng cho vay được ký bằng chữ ký điện tử, số điện thoại đăng nhập thực hiện việc giao dịch ký kết hợp đồng là số 0949044665, ông T vẫn đang sử dụng số điện thoại này và có ký vay qua điện thoại; đối chiếu sao kê tài khoản Ngân hàng của ông Nguyễn Xuân T có việc ông T được Ngân hàng chuyển số tiền vay là 23.000.000đồng và ông T vẫn thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy, có đủ cơ sở xác định ông T có ký kết đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN1911271911941. Tính đến ngày 29-9-2023, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền: 28.888.110 đồng. Trong đó, nợ gốc: 14.073.174đồng, nợ lãi quá hạn: 14.814.936đồng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 11 của Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại VPBANK và là sự thoả thuận khi giao kết hợp đồng giữa ông T và Ngân hàng quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2] Ông T và bà Đ trình bày: đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ, cụ thể đã thanh toán bao nhiêu tiền ông T, bà Đ không nhớ và có sự gian dối của Ngân hàng trong việc chuyển tiền đã vay, tiền trả nợ vay hàng tháng nhưng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh ông T, bà Đ đã trả số tiền này như: biên lai thu tiền hoặc các phương thức chuyển tiền trả nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khảon 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 317, 318, 319, 357, 463, 466 và Điều 468, 470 của Bộ Luật dân sự;

Khoản 16 Điều 4 và Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2. Buộc ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tính đến ngày 29-9-2023 là: 176.068.086đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi tám ngàn, không trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc: 128.212.000đồng, nợ lãi trong hạn: 2.607.361đồng, nợ lãi quá hạn: 45.248.726đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tính đến ngày 29-9-2023 là: 71.471.769đồng (bảy mươi mốt triệu, bốn trăm bảy mươi mốt ngàn, bảy trăm sáu mười chín đồng). Trong đó, nợ gốc: 28.796.951đồng, nợ lãi trong hạn: 1.632.182đồng, nợ lãi quá hạn: 41.042.636đồng.

4. Trường hợp ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nếu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô hiệu Chevrolet, loại AVEO, số khung 69YDHH945980, số máy 4D3171310354, biển số 85A-030.14 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002477 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 29-01-2018 đứng tên ông Nguyễn Xuân T, tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại TP. Hồ Chí Minh ngày 31-01-2018 theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ vay.

5. Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp nếu trên mà ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ vẫn chưa trả hết nợ thì ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

6. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong

các Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì lãi suất mà ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

7. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Đ phải chịu 8.803.000đồng (tám triệu, tám trăm lẻ ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Xuân T phải chịu 3.573.000đồng (ba triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 5.845.000đồng (năm triệu, tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005627 ngày 27-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Vân